

Л.В. Зунг

**YÊU CẦU KỸ THUẬT
ТЕХНИЧЕСКИЕ ТРЕБОВАНИЯ**

Máy chủ/Серверы

1. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG/ НАЗНАЧЕНИЕ:

- Máy chủ vật lý và phần mềm ảo hóa kèm theo phục vụ hoạt động thường xuyên của hệ thống thông tin, triển khai Sáng kiến số 15 (SKS.15. Quản lý nhân sự) và các Dự án số của Liên doanh Việt – Nga Vietsovpetro.

Серверы и поставляемого вместе с ними программного обеспечения виртуализации для обеспечения текущей деятельности информационных систем, реализации Цифровой инициативы 15 (ЦИ 15 «Управление персоналом») и Цифровых проектов Совместного предприятия «Вьетсовпетро».

2. YÊU CẦU CHUNG ĐỐI VỚI HÀNG HÓA/ ОБЩИЕ ТРЕБОВАНИЯ К ТОВАРАМ:

- Thời hạn bảo hành/ Гарантийный срок: 03 năm kể từ ngày giao hàng.
- Địa điểm nhận thiết bị bảo hành: Trung tâm dữ liệu của Vietsovpetro, 105 Lê Lợi, P. Vũng Tàu, TP. Hồ Chí Minh hoặc Trung tâm dữ liệu dự phòng Lầu 10 tòa nhà Xí nghiệp Xây lắp, Dịch vụ, 67 đường 30 tháng 4, phường Rạch Dừa, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Thiết bị phải là hàng mới chưa qua sử dụng. Thiết bị phải được sản xuất không quá 5 năm tính từ thời điểm giao hàng trở về trước.

3. YÊU CẦU VỀ ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT, CÔNG NGHỆ/ ТРЕБОВАНИЯ К ТЕХНИЧЕСКИМ ХАРАКТЕРИСТИКАМ И ТЕХНОЛОГИЯМ:

- Hàng hóa phải có đặc tính kỹ thuật tối thiểu như mô tả ở danh mục hàng hóa
Товары должны иметь как минимум минимальную спецификацию, указанную в списке товаров.

4. YÊU CẦU VỀ THỜI HẠN GIAO HÀNG/ ТРЕБОВАНИЯ К СРОКУ ПОСТАВКИ:

- Nhà thầu phải giao hàng trong vòng 120 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng.
Доставка и завершение установки в течение 120 дней с момента подписания договора.

5. YÊU CẦU VỀ DỊCH VỤ TRIỂN KHAI/ ТРЕБОВАНИЯ К УСЛУГАМ ПО ВНЕДРЕНИЮ

- Nhà thầu phải hoàn thành cài đặt, tích hợp vào hệ thống hiện của của Vietsovpetro.
Подрядчик должен завершить установку и интеграцию в существующую систему Vietsovpetro.
- Thời hạn hoàn thành dịch vụ triển khai trong vòng 30 ngày kể từ ngày Vietsovpetro thông báo triển khai.
Срок выполнения услуги внедрения 30 дней с момента уведомления Vietsovpetro о начале внедрения.

6. YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC NHÀ THẦU/ ОПЫТ РАБОТЫ:

- Có kinh nghiệm về cung cấp và triển khai các hệ thống máy chủ và ADC/ Имеется опыт по поставке и внедрению серверных систем и ADC.
- Danh sách nhân sự tham gia triển khai dự án phải được nêu trong chào thầu kỹ thuật. Danh sách phải có ít nhất một (01) chuyên gia có chứng chỉ “VMware Certified Professional - Data Center Virtualization” và 01 chuyên gia có chứng chỉ triển khai máy chủ A10

Список персонала, задействованного в реализации проекта, должен быть включен в технический тендер. В списке должны быть как минимум один (01) эксперт с сертификацией “VMware Certified Professional - Data Center Virtualization” и один эксперт с сертификатом по внедрению серверов A10

7. CHỨNG CHỈ CẦN THIẾT/ СЕРТИФИКАТ:

- Chứng chỉ xuất xứ (CO) do cơ quan có thẩm quyền của nước sản xuất hoặc của nước xuất khẩu cấp cho thiết bị chính (bản gốc hoặc bản điện tử), không bắt buộc đối với phụ kiện cáp và module đầu nối.

Сертификат происхождения (CO), выданный уполномоченным органом страны-производителя или страны экспорта для основного оборудования (оригинал или электронная копия), не обязательно для кабельных аксессуаров и модулей соединения.

- Chứng chỉ chất lượng (CQ) do nhà sản xuất cấp, hoặc do văn phòng đại diện của nhà sản xuất tại Việt Nam cấp, hoặc do công ty con của nhà sản xuất tại Việt Nam hoặc tại khu vực cấp (bản gốc hoặc bản điện tử), không bắt buộc đối với phụ kiện cáp và module đầu nối.

Сертификат качества (CQ), выданный производителем, или представительством производителя во Вьетнаме, или филиалом производителя во Вьетнаме, или в зоне выдачи (оригинал или электронная версия), не обязательно для кабельных аксессуаров и модулей соединения.

8. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ - МЕТОД ОЦЕНКИ:

- Đánh giá toàn bộ các mục hàng hóa theo bảng điểm.
Оценка всех товаров по балльной шкале.